TÒA ÁN NH DÂN **THÀNH PHỐ V** **TỈNH P**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 10/2024/QĐST-DS	*V, ngày 14 tháng 5 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 06 tháng 5 năm 2024 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 136/2023/TLST-DS ngày 26 tháng 7 năm 2023.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: **Anh Bùi Quốc H, sinh năm 1980**

Địa chỉ: Số 04, ngõ 139 đường G, phường V, thành phố V, tỉnh Ph.

Người đại diện theo ủy quyền: **Anh Phạm Tiến Q, sinh năm 1981**

Địa chỉ: Số 62 Ng, thành phố B, tỉnh B. (Theo giấy ủy quyền 01/8/2023).

- Bị đơn: **1. Ông Lê Quốc B, sinh năm 1959**

2. Bà Phan Thị Q, sinh năm 1969

3. Chị Lê Diệu H, sinh năm 1991

Người đại diện theo ủy quyền của bà Q, chị H: **Ông Lê Quốc B, sinh năm 1959**

Đều có địa chỉ: Khu 2, xã Thanh Đình, thành phố V, tỉnh Ph. (Theo Hợp đồng ủy quyền ngày 11/8/2023).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: **Văn phòng công chứng H.**

Địa chỉ: Số nhà 503, đường Chi Lăng, khu 6, thị trấn Ph, Hện Ph, tỉnh Ph.

Đại diện theo ủy quyền: **Chị Cao Thị Y, sinh năm 1994**

Địa chỉ: Xã Th, thành phố V, tỉnh Ph. (Theo Văn bản ủy quyền số: 03/2023/UQ ngày 24/8/2023)

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Nguyên đơn anh Bùi Quốc H và bị đơn ông Lê Quốc B và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Phan Thị Q, chị Lê Diệu H là ông Lê Quốc B thống nhất thỏa thuận:

2.1. Hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 04/5/2022 ký giữa bên nhận đặt cọc (Bên A) ông Lê Quốc B, bà Phan Thị Q, chị Lê Diệu H và bên đặt cọc (Bên B) ông Bùi Quốc H tại Văn phòng công chứng Hà Phúc Tu là vô hiệu.

2.2. Tổng số tiền anh Bùi Quốc H đặt cọc cho ông Lê Quốc B, bà Phan Thị Q, chị Lê Diệu H theo Hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 04/5/2022 của Văn phòng công chứng Hà Phúc Tu tính đến ngày 06/5/2024 là 700.000.000đ *(Bảy trăm triệu đồng).* Ông Lê Quốc B, bà Phan Thị Q, chị Lê Diệu H đã nhận đủ số tiền đặt cọc 700.000.000đ *(Bảy trăm triệu đồng).*

2.3. Bị đơn ông Lê Quốc B và là người đại diện theo ủy quyền của bà Phan Thị Q, chị Lê Diệu H nhất trí ông Lê Quốc B, bà Phan Thị Q, chị Lê Diệu H có nghĩa vụ trả cho anh Bùi Quốc H số tiền đặt cọc là 700.000.000đ *(Bảy trăm triệu đồng).*

2.4. Anh Bùi Quốc H xin rút lại toàn bộ số tiền phạt cọc là 1.000.000.000đ *(Một tỷ đồng).*

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Anh Bùi Quốc H phải chịu 8.000.000đ *(Tám triệu đồng)* án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận anh Bùi Quốc H (do anh Bùi Lâm Sơn nộp thay) đã nộp 36.000.000đ *(Ba mươi sáu triệu đồng)* tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2022/0000480 ngày 24/7/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V, tỉnh Ph. Anh H được trả lại 28.000.000đ *(Hai mươi tám triệu đồng)* tạm ứng án phí đã nộp.

- Bị đơn ông Lê Quốc B là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên ông B không phải chịu án phí theo quy định pháp luật. Ông Lê Quốc B tự nguyện xin chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm thay cho bà Phan Thị Q và chị Lê Diệu H là 5.333.000đ *(Năm triệu, ba trăm ba mươi ba nghìn đồng).*

4. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

5. Trong trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND TP. V, T. Ph;
- Chi cục THADS TP. V;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

THẨM PHÁN

Đào Thị H